**PHỤ LỤC 01**

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ.

CƠ QUAN ĐƯỢC PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ*(Ban hành kèm theo Quyết định số…. )*

| **STT** | **Tên hàng hóa, dịch vụ** | **Thẩm quyền, hình thức định giá** | **Cơ quan thẩm định Phương án giá, trình UBND tỉnh**  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do trung ương quản lý | Bộ Giao thông vận tải định giá tối đa |  |
| Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa | Sở Giao thông vận tải |
| 2 | Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do trung ương quản lý | Bộ Giao thông vận tải định khung giá |  |
| Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định khung giá | Sở Giao thông vận tải |
| Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do trung ương quản lý | Bộ Giao thông vận tải định giá tối đa |  |
| Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa | Sở Giao thông vận tải |
| 3 | Dịch vụ tại cảng biển (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt tàu biển) | Bộ Giao thông vận tải định khung giá |  |
| Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do trung ương quản lý | Bộ Giao thông vận tải định giá tối đa |  |
| Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa | Sở Giao thông vận tải |
| Dịch vụ hoa tiêu hàng hải | Bộ Giao thông vận tải định giá tối đa |  |
| 4 | Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | - Bộ Tài chính định giá tối đa- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể |  |
| Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 5 | Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | - Bộ Tài chính định khung giá - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định giá cụ thể thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý |  |
| Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Nông nghiệp và PTNT |
| 6 | Nước sạch | - Bộ Tài chính định khung giá- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Tài chính chủ trì; Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp  |
| 7 | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở trung ương | - Bộ Tài chính định giá tối đa- Các cơ quan, tổ chức ở trung ương định giá cụ thể |  |
| Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể |  Sở quản lý ngành, lĩnh vực  |
| 8 | Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh. | Thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh | Sở Y tế |
| 9 | Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập | - Bộ Y tế định giá tối đa- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Y tế |
| Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập | - Bộ Y tế định giá tối đa- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Y tế |
| 10 | Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục | Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học | Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp | Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 11 | Nhà ở công vụ | Thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở | Sở Xây dựng |
| Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở | Sở Xây dựng |
| Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn | Sở Xây dựng |
| Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở | Sở Xây dựng |
| 12 | Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ | Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ | Sở quản lý ngành, lĩnh vực |
| 13 | Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai | Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 14 | Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định khung giá | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn |
| 15 | Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 16 | Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Xây dựng |
| 17 | Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa | Sở Giao thông vận tải |
| 18 | Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Giao thông vận tải |
| 19 | Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 20 | Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Xây dựng |
| 21 | Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Giao thông |
| 22 | Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | - Hạ tầng kỹ thuật đô thị : Sở Xây dựng- Hạ tầng dịch vụ viễn thông: Sở Thông tin truyền thông |
| 23 | Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa | Sở Tư pháp |
| 24 | Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể | Sở Công thương |